

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2025/HS-ST
Ngày 18-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bé.

Ông Lê Văn Công.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hà Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Minh Nhật E, sinh năm 1997 tại tỉnh An Giang; căn cước công dân số: 089097005896 cấp ngày 08/3/2022; nơi thường trú: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn Bé C và bà Trần Thị N; chưa có vợ, con; tiền án: ngày 07/02/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (theo Bản án số 14/2018/HS-ST ngày 07/02/2018) và ngày 01/3/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật” (theo Bản án số 18/2018/HS-ST ngày 01/3/2018). Tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 06 năm 09 tháng tù (theo Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/QĐ ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang); tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 09/8/2024 đến nay; đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- **Người chứng kiến:** Ông Dương Thanh H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Minh Nhật E sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/8/2024, bị cáo E đi đến khu vực chân cầu vượt S, thành phố D, tỉnh Bình Dương gặp 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) mua 05 viên ma túy loại thuốc lắc đựng trong túi nylon miệng kéo dính và 02 túi nylon ma túy loại khay với giá 2.000.000 đồng rồi cất giấu trong túi quần. Sau đó, bị cáo N1 mang ma túy về phòng trọ số 05 tại địa chỉ ô A, DC06, đường D, khu dân cư V, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương cất giấu trong hộp nhựa hình tròn màu đen và để trên cửa sổ phòng trọ. Bị cáo E lấy ít ma túy loại khay cho vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế bằng vỏ chai nhựa rồi sử dụng.

Đến khoảng 02 giờ 50 phút ngày 09/8/2024, Công an phường A tiến hành kiểm tra hành chính cơ sở trọ tại địa chỉ trên thì phát hiện tại phòng trọ số 05 do bị cáo E thuê ở vị trí dưới nền nhà cạnh cửa ra vào của phòng trọ có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Bị cáo E khai nhận có sử dụng ma túy. Đồng thời, bị cáo E lấy từ trên cửa sổ 01 hộp nhựa tròn màu đen bên trong có 01 túi nylon miệng kéo dính chứa 05 viên nén màu hồng nhạt, 02 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng và khai nhận là ma túy khay, thuốc lắc do bị cáo E mua về cất giấu để sử dụng nên Công an lập biên bản, thu giữ, niêm phong vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) túi nylon miệng kéo dính chứa 05 (năm) viên nén màu hồng nhạt, khối lượng: 2,3423 gram (ký hiệu M1).

- 01 (một) túi nylon miệng kéo dính, bên trong có chứa tinh thể màu trắng, nghi vấn ma túy tổng hợp, khối lượng: 1,7692 gam (ký hiệu M2).

- 01 (một) túi nylon miệng kéo dính, bên trong có chứa tinh thể màu trắng. nghi vấn ma túy tổng hợp, khối lượng: 1,7789 gam (ký hiệu M3).

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy bằng vỏ chai nước ngọt Sting, bằng nhựa màu trắng trong, có nắp chai nhựa màu đỏ, đục 02 lỗ, 01 lỗ cắm ống hút màu trắng, 01 lỗ cắm 01 nõ bằng thủy tinh tròn.

- 01 (một) hộp nhựa tròn màu đen viền vàng.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo của bị cáo.

Tại phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của Công an phường A xác định bị cáo E dương tính với ma túy, loại ma túy sử dụng là MDMA và Methamphetamine (MET).

Tại Kết luận giám định số 3810/KL-KTHS(MT) ngày 16/8/2024, Phòng K - Công an tỉnh B kết luận:

- Mẫu 05 (năm) viên nén màu hồng, gửi giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng: 2,3423 gam (M1).

- Các mẫu tinh thể màu trắng, gửi giám định đều là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng: 1,7692 gam (M2) và 1,7789 gam (M3), tổng cộng: 3,5481 gam.

Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo E: quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T đã có văn bản chuyển thông tin về tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố D xác minh, xử lý.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKS-TA ngày 23 tháng 01 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương quyết định truy tố bị cáo Trần Minh Nhật E về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương phát biểu như sau: lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo tái phạm. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo E phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và xử phạt bị cáo E từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù. Về xử lý vật chứng: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tự bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với dì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và phù hợp với các

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định: ngày 09/8/2024, tại phòng trọ số 05 thuộc địa chỉ ô A, DC06, đường D, khu dân cư V, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Minh Nhật E đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 2,3423 gam ma túy loại MDMA và 3,5481 gam ma túy loại Ketamine nhằm mục đích sử dụng.

[3] Tổng khối lượng ma túy làm căn cứ xác định khung hình phạt đối với bị cáo được xác định như sau: bị cáo tàng trữ 02 chất ma túy gồm: 2,3423 gam ma túy loại MDMA và 3,5481 gam ma túy loại Ketamine, 02 chất ma túy này không được quy định trong cùng một điểm tại các khoản của Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy thì tỷ lệ phần trăm của 02 chất ma túy nêu trên được xác định như sau:

MDMA: $(2,3423 : 5) \times 100 = 46,846\%$

Ketamine: $(3,5481 : 20) \times 100 = 17,7405\%$

Tổng tỷ lệ phần trăm là $64,5865\% < 100\%$

Như vậy, tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của các chất ma túy dưới 100% nên tổng khối lượng của các chất ma túy mà bị cáo tàng trữ thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo từng bị kết án, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành xong nghĩa vụ nộp án phí. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không biết chữ nên nhận thức về pháp luật hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo.

[7] Căn cứ khối lượng ma túy mà bị cáo đã tàng trữ; tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy mà bị cáo tàng trữ được đựng trong 01 (một) bì thư niêm phong: là chất mà Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 01 hộp nhựa màu đen, viền vàng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, có gắn ốp lưng bằng nhựa màu hồng: quá trình điều tra xác định điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra trả lại tài sản cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[9] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo E: quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra chuyển thông tin về tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố D (nơi xảy ra hành vi bán ma túy) để tiếp tục xác minh, xử lý là đúng quy định.

[10] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

1. Trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh Nhật E phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Minh Nhật E 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/8/2024.

2. Xử lý vật chứng:

Căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư được niêm phong, ghi số vụ 3810/PC09 (là mẫu vật hoàn lại sau giám định) có chữ ký và hình dấu đỏ như trong biên bản

mở niêm phong và giấy niêm phong có hình có hình dấu vân tay của Trần Minh Nhật E; ông Nguyễn Hoàng Á (cán bộ trả mẫu), ông Tô Thanh T (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K - Công an tỉnh B; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 01 hộp nhựa màu đen, viền vàng.

Các vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này,

Bị cáo Trần Minh Nhật E phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An;
- Phân trại tạm giam khu vực thành phố Thuận An;
- Bị cáo;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu: hồ sơ vụ án, THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân